

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Hồng Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hồng Thanh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,


Trần Hồng Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Số: 144 /2017/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà được lập ngày 11 tháng 08 năm 2017, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN Kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		267.579.205.416	362.179.257.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.589.958.300	115.776.094.354
1. Tiền	111		27.589.958.300	65.776.094.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.000.000.000	82.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	31.000.000.000	82.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.078.819.905	58.090.022.722
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.314.653.015	40.840.972.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	72.557.445.951	13.496.511.613
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.206.720.939	3.752.539.039
IV. Hàng tồn kho	140		89.937.101.427	102.673.570.427
1. Hàng tồn kho	141	10	89.937.101.427	102.673.570.427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.973.325.784	3.639.570.204
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.344.385.080	2.448.238.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.618.421.652	1.191.331.349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	10.519.052	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.476.785.282	143.197.345.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		234.446.975	234.446.975
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	234.446.975	234.446.975
II. Tài sản cố định	220		52.440.211.903	48.139.008.129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	52.440.211.903	48.139.008.129
- Nguyên giá	222		280.431.403.484	268.756.931.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(227.991.191.581)	(220.617.923.172)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		196.200.000	196.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(196.200.000)	(196.200.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.254.702.802	41.811.322.454
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	68.254.702.802	41.811.322.454
IV. Tài sản dài hạn khác	260		55.547.423.602	53.012.568.139
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	55.547.423.602	53.012.568.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		444.055.990.698	505.376.603.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		113.928.604.736	178.562.909.137
I. Nợ ngắn hạn	310		113.359.681.871	177.941.186.272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	33.604.306.450	76.596.400.222
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.269.075.184	10.423.638.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	523.907.367	7.768.975.155
4. Phải trả người lao động	314		47.564.311.953	42.523.406.075
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	733.701.099	9.404.022.264
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		102.500.002	1.216.024.406
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	16.734.920.077	12.127.070.416
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		252.000.000	252.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.574.959.739	17.629.648.739
II. Nợ dài hạn	330		568.922.865	621.722.865
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	568.922.865	621.722.865
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.127.385.962	326.813.694.267
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	330.127.385.962	326.813.694.267
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		114.390.296.941	114.390.296.941
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.327.976.721	11.014.285.026
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.801.785.026	3.280.453.286
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.526.191.695	7.733.831.740
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		444.055.990.698	505.376.603.404

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Thanh Bình

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	386.931.494.976	361.993.272.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	5.901.832.549	7.880.070.507
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	381.029.662.427	354.113.202.299
4. Giá vốn hàng bán	11	21	308.128.180.168	292.382.582.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.901.482.259	61.730.619.396
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.109.306.503	1.321.529.039
7. Chi phí tài chính	22	23	129.144.726	273.707.398
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.164.800	7.372.100
8. Chi phí bán hàng	25	24	29.324.020.855	26.066.195.794
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	31.234.699.746	25.585.131.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.322.923.435	11.127.113.769
11. Thu nhập khác	31		320.301.624	242.898.187
12. Chi phí khác	32		198.659.753	260.095.568
13. Lợi nhuận khác	40		121.641.871	-17.197.381
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.444.565.306	11.109.916.388
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.918.373.611	2.222.290.487
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.526.191.695	8.887.625.901
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	702	1.082

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Bình

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.444.565.306	11.109.916.388
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.184.245.592	9.681.613.028
- Các khoản dự phòng	03	-	4.646.714
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.416.583	(32.921.615)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.140.399.220)	(1.282.633.047)
- Chi phí lãi vay	06	8.164.800	7.372.100
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.497.993.061	19.487.993.568
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(47.496.532.318)	(45.398.793.922)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.736.469.000	(1.861.891.701)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	5.531.084.722	(46.017.938.648)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.431.001.688)	(313.185.408)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.200.000)	(16.400.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.705.995.071)	(5.495.807.132)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	60.950.000	143.765.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.115.639.000)	(672.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.938.871.294)	(80.144.957.743)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(98.529.858.024)	(18.501.597.831)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	359.090.909	22.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(51.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.146.415.890	2.145.405.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.024.351.225)	(47.333.464.784)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	82.812.785.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.213.925.000)	(4.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.213.925.000)	82.808.435.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(75.177.147.519)	(44.669.987.527)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	115.776.094.354	89.988.297.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.988.535)	38.068.392
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.589.958.300	45.356.378.567

Người lập

Phạm Thị Hương Giang

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Kim Xuân

Hải Hà, ngày 15 tháng 08 năm 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
 Tổng Giám đốc
Trần Hồng Thanh

Phạm Thị Hương Giang

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngày 22/3/2017, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty mẹ của Công ty (nắm giữ 51% cổ phiếu, tương ứng với 83.767.500.000 đồng) đã bán thành công toàn bộ cổ phần cho các nhà đầu tư khác, theo đó Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam không còn là cổ đông của Công ty kể từ ngày này.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh – số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh "Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi".

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê, bao gồm:

- Tiền thuê 2.565 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với đơn giá thuê 1.425.420 VND/m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2005 theo Hợp đồng thuê đất số 309/HĐ-TLĐ/KD-05 ngày 10/05/2005 được ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- Tiền thuê 48.705 m² đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh với đơn giá thuê là 62 USD/m² thời gian thuê là 47 năm kể từ ngày 14/12/2010 theo Hợp đồng thuê đất số 054B/055/056/057A ngày 14/12/2010 được ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh.
- Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 31.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	510.508.566	313.629.366
Tiền gửi ngân hàng	26.479.449.734	65.462.464.988
Tiền đang chuyển	600.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>40.589.958.300</u>	<u>115.776.094.354</u>

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5,8%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.314.653.015	40.840.972.070
IMPACT CO., LTD (Shine Win Trading)	4.469.110.079	2.415.177.220
ZONATRADING FOODS CO.,LTD(D-Khand)	2.065.811.820	5.985.597.604
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.779.731.116	32.440.197.246
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>21.314.653.015</u>	<u>40.840.972.070</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
SHINING HWA ENTERPRISE CO	29.838.672.000	6.535.254.240
DONG YANG FOOD MACHINERY CO.LTD	29.436.309.900	3.227.301.900
Công ty CP Đầu tư XD Dân dụng công nghiệp hạ tầng	5.300.746.659	1.437.435.000
Trả trước cho người bán khác	7.981.717.392	2.296.520.473
Cộng	<u>72.557.445.951</u>	<u>13.496.511.613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		1/1/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	4.206.720.939	-	3.752.539.039	-
Tạm ứng	3.864.323.537	-	1.222.841.081	-
Dự thu lãi tiền gửi	-	-	2.077.866.667	-
Phải thu khác	342.397.402	-	451.831.291	-
Dài hạn	234.446.975	-	234.446.975	-
Ký cược, ký quỹ	234.446.975	-	234.446.975	-
Cộng	4.441.167.914	-	3.986.986.014	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	302.444.184	-	6.878.974.247	-
Nguyên liệu, vật liệu	50.123.795.737	-	56.721.098.637	-
Công cụ, dụng cụ	91.759.336	-	172.049.370	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	971.268	-
Thành phẩm	29.198.024.622	-	25.601.234.190	-
Hàng hoá	10.221.077.548	-	13.299.242.715	-
Cộng	89.937.101.427	-	102.673.570.427	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	1.344.385.080	2.448.238.855
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho	273.727.273	204.602.866
Chi phí quảng cáo	672.916.665	793.416.667
Các khoản khác	397.741.142	1.450.219.322
Dài hạn	55.547.423.602	53.012.568.139
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	49.585.464.607	50.185.464.607
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.669.479.062	2.710.103.532
Chi phí quảng cáo	2.250.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.042.479.933	117.000.000
Cộng	56.891.808.682	55.460.806.994

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN****12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	63.863.405.893	186.245.125.793	18.318.326.829	330.072.786	268.756.931.301
Mua trong kỳ		2.110.407.290	4.250.898.364	34.000.000	6.395.305.654
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.377.384.624				6.377.384.624
Thanh lý, nhượng bán	-	(525.000.000)	(573.218.095)	-	(1.098.218.095)
Tại ngày 30/06/2017	<u>70.240.790.517</u>	<u>187.830.533.083</u>	<u>21.996.007.098</u>	<u>364.072.786</u>	<u>280.431.403.484</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	40.194.662.912	166.436.293.411	13.717.463.507	269.503.342	220.617.923.172
Khấu hao trong kỳ	3.482.415.078	3.684.322.804	1.003.378.295	14.129.415	8.184.245.592
Thanh lý, nhượng bán		(237.759.088)	(573.218.095)	-	(810.977.183)
Tại ngày 30/06/2017	<u>43.677.077.990</u>	<u>169.882.857.127</u>	<u>14.147.623.707</u>	<u>283.632.757</u>	<u>227.991.191.581</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	<u>23.668.742.981</u>	<u>19.808.832.382</u>	<u>4.600.863.322</u>	<u>60.569.444</u>	<u>48.139.008.129</u>
Tại ngày 30/06/2017	<u>26.563.712.527</u>	<u>17.947.675.956</u>	<u>7.848.383.391</u>	<u>80.440.029</u>	<u>52.440.211.903</u>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 167.194.402.155 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 166.715.155.340 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỢ DANG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà máy mới tại KCN VSIP	68.254.702.802	41.811.322.454
Cộng	<u>68.254.702.802</u>	<u>41.811.322.454</u>

Theo Quyết định số 288/QĐ - HĐQT ngày 09/06/2011 của Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án “Di dời, đầu tư xây dựng Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà” tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư là 485.043.079.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Dự án bắt đầu được thực hiện từ quý IV năm 2010 và dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ công trình vào quý IV năm 2015. Ngày 15/10/2015, Hội đồng quản trị Công ty quyết định điều chỉnh tiến độ dự án đi dời đến hết năm 2020 và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu giai đoạn 2016-2017.

Nguồn vốn đầu tư của Dự án này được hình thành từ nguồn lợi nhuận thu được từ dự án hợp tác đầu tư khai thác khu đất tại 25 Trương Định, Hà Nội sau khi di dời, nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty và tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2016.

Giai đoạn này, Công ty thực hiện xây dựng hạng mục nhà xưởng sản xuất chính, nhà văn phòng, các hạng mục phụ trợ, đầu tư mới hai dây chuyền sản xuất và di dời từng phần các dây chuyền hiện tại. Dự kiến Công ty sẽ di dời sang nhà máy mới tại Khu công nghiệp VSIP – Bắc Ninh vào quý 3/2017.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.829.600	9.864.800
Trích trước chi phí vận chuyển, xăng xe	37.175.673	3.016.593.281
Trích trước chi phí bán hàng	260.762.409	2.254.082.498
Trích trước chi phí khác	433.933.417	4.123.481.685
Cộng	<u>733.701.099</u>	<u>9.404.022.264</u>

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	16.734.920.077	12.127.070.416
Kinh phí công đoàn	290.771.652	36.799.752
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.315.444.146	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	430.000.000	334.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.912.750	12.570.625
Công ty Liên danh ACI Việt Nam - Đông Á (*)	14.500.000.000	11.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	186.791.529	243.700.039
Dài hạn	568.922.865	621.722.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	568.922.865	621.722.865
Cộng	<u>17.303.842.942</u>	<u>12.748.793.281</u>

(*) Khoản tiền thanh toán theo tiến độ của Công ty Liên danh ACI Vietnam – Đông Á theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HHC-ACI Vietnam- Đông Á ngày 17/3/2016 để thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp	4.009.579.283	4.009.579.283	10.309.676.284	10.309.676.284
Công ty TNHH Sản xuất bột mì VIMAFLOUR	1.811.770.500	1.811.770.500	3.737.866.000	3.737.866.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Minh Dương	2.702.617.750	2.702.617.750	4.642.802.626	4.642.802.626
Công ty TNHH TMA	4.374.780.982	4.374.780.982	6.684.126.482	6.684.126.482
Công ty TNHH Bao bì Nhựa Tân Hiệp Lợi	3.241.979.016	3.241.979.016	2.552.781.393	2.552.781.393
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	17.463.578.919	17.463.578.919	48.669.147.437	48.669.147.437
Cộng	33.604.306.450	33.604.306.450	76.596.400.222	76.596.400.222

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	2.143.302.738	7.284.323.778	9.319.359.837	108.266.679
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.869.822.311	7.870.932.713	(1.110.402)
Thuế nhập khẩu	-	299.397.948	307.216.598	(7.818.650)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.181.419.015	2.918.373.611	7.705.995.071	393.797.555
Thuế thu nhập cá nhân	440.013.442	485.700.846	907.661.115	18.053.173
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.502.739.853	2.502.739.853	-
Các loại thuế khác	4.239.960	754.897.061	756.937.061	2.199.960
Cộng	7.768.975.155	22.115.255.408	29.370.842.248	513.388.315
Trong đó				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	-	-	-	10.519.052
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	7.768.975.155			523.907.367

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	82.125.000.000	22.721.250.000	3.656.202.300	109.890.296.941	3.530.453.286	221.923.202.527
Tăng vốn trong năm	82.125.000.000	10.781.660.000	-	-	-	92.906.660.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	33.158.831.740	33.158.831.740
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.500.000.000	(25.675.000.000)	(21.175.000.000)
Tại ngày 01/01/2017	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	114.390.296.941	11.014.285.026	326.813.694.267
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	11.526.191.695	11.526.191.695
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(8.212.500.000)	(8.212.500.000)
Tại ngày 30/06/2017	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	114.390.296.941	14.327.976.721	330.127.385.962

Theo Nghị quyết 38/QĐ-CPHH ngày 02/02/2017 của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016, Công ty đã quyết định thanh toán cổ tức với tỉ lệ là 5% tương ứng 500 đồng/cổ phần, tổng cổ tức chi trả là 8.212.500.000 đồng. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 sẽ được chính thức thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	-	83.767.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	164.250.000.000	80.482.500.000
Cộng	164.250.000.000	164.250.000.000

Ngày 22/3/2017, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty mẹ của Công ty (nắm giữ 51% cổ phiếu, tương ứng với 83.767.500.000 đồng) đã bán thành công toàn bộ cổ phần cho các nhà đầu tư khác, theo đó Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam không còn là cổ đông của Công ty kể từ ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	164.250.000.000	82.125.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	75.284.350.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	164.250.000.000	157.409.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.212.500.000	-

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông (*)	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại - USD	417.448,80	711.828,06
Cộng	417.448,80	711.828,06

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	382.753.761.121	356.990.552.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	4.177.733.855	5.002.720.449
Cộng	386.931.494.976	361.993.272.806
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(161.663.955)	1.500.550.953
Hàng bán bị trả lại	6.063.496.504	6.379.519.554
Cộng	5.901.832.549	7.880.070.507
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	381.029.662.427	354.113.202.299
Cộng	381.029.662.427	354.113.202.299

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	308.128.180.168	292.382.582.903
Cộng	<u>308.128.180.168</u>	<u>292.382.582.903</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.068.549.223	1.259.905.774
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	40.757.280	28.701.650
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	32.921.615
Cộng	<u>2.109.306.503</u>	<u>1.321.529.039</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.164.800	7.372.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	61.510.665	229.252.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	1.416.583	
Khác	58.052.678	37.083.229
Cộng	<u>129.144.726</u>	<u>273.707.398</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.941.708.291	472.048.800
Chi phí nhân viên	4.594.004.319	9.404.041.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	641.829.114	610.269.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.213.751.948	10.791.161.110
Chi phí khác	6.932.727.183	4.788.674.897
Cộng	<u>29.324.020.855</u>	<u>26.066.195.794</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.916.152	119.923.423
Chi phí nhân viên quản lý	17.708.691.475	12.711.206.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.493.731.913	4.034.631.603
Thuế, phí và lệ phí	2.517.299.853	1.462.390.835
Dự phòng phải thu khó đòi	-	4.646.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.531.680.174	5.828.618.640
Chi phí khác	1.507.380.179	1.423.713.274
Cộng	<u>31.234.699.746</u>	<u>25.585.131.474</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.412.243.489	228.259.891.131
Chi phí nhân công	73.438.652.424	71.846.322.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.184.245.592	9.681.613.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.962.566.915	23.783.045.915
Chi phí khác	13.509.772.071	12.057.496.342
Cộng	<u>374.507.480.491</u>	<u>345.628.368.765</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	14.444.565.306	11.109.916.388
Điều chỉnh cho thu nhập trước thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	147.302.753	1.536.051
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>147.302.753</i>	<i>1.536.051</i>
Thu nhập chịu thuế	<u>14.591.868.059</u>	<u>11.111.452.439</u>
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	<u>2.918.373.611</u>	<u>2.222.290.487</u>

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.526.191.695	8.887.625.901
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.526.191.695	8.887.625.901
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.425.000	8.212.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>702</u>	<u>1.082</u>

29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNHCác loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.589.958.300	115.776.094.354
Đầu tư ngắn hạn	31.000.000.000	82.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.891.497.392	43.605.117.003
Cộng	93.481.455.692	241.381.211.357
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	252.000.000	252.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.301.933.594	89.308.393.751
Chi phí phải trả	733.701.099	9.404.022.264
Cộng	50.287.634.693	98.964.416.015

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch mua hàng, bán hàng lớn đều bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với ngoại tệ như sau:

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính	16.838.959.744	26.797.038.488
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.476.087.760	16.186.970.084
Phải thu khách hàng	7.362.871.984	10.610.068.404
Công nợ tài chính	45.737.202	2.144.368.100
Phải trả người bán	45.737.202	2.144.368.100
Mức độ rủi ro tiền tệ	16.793.222.542	24.652.670.388

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá: Không phát sinh

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2017			
Các khoản vay	252.000.000	-	252.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	48.733.010.729	568.922.865	49.301.933.594
Chi phí phải trả	733.701.099	-	733.701.099
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay	252.000.000	-	252.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	88.686.670.886	621.722.865	89.308.393.751
Chi phí phải trả	9.404.022.264	-	9.404.022.264

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.299.304.000	734.923.550

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

Ngày 17/03/2016, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số L9/IIHC - ACI Vietnam – Đông Á với Liên danh Công ty Cổ phần ACI Việt Nam – Công ty Cổ phần Hạ tầng Đông Á để thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”. Trong đó, bao gồm việc thành lập Công ty cổ phần mới và Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà là cổ đông sáng lập góp 26% vốn điều lệ; liên doanh giữa Công ty Cổ phần ACI Việt Nam và Công ty Cổ phần Hạ tầng Đông Á góp 74% vốn điều lệ.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán chuyên sang. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.

Một số số liệu tại ngày 01/01/2017 đã được điều chỉnh hồi tố theo kết luận của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Chi tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh tại 31/12/2016	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh tại 01/01/2017
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.326.790.631	442.184.524	7.768.975.155
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra		2.092.116.581	51.186.157	2.143.302.738
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.790.420.648	390.998.367	5.181.419.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.368.639.275	(442.184.524)	10.926.454.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8.176.016.264	(442.184.524)	7.733.831.740
Cộng		18.695.429.906	-	18.695.429.906

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh